

**Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/12/2017

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Lệ**.

2. Bà **Chung Kim Sang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2017. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 338/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Trương Thị Nh**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Kinh 13, ấp Vĩnh Qui, xã Vĩnh Thạnh, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa)

**2. Bị đơn:** Ông **Lương Thái B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 35 Mậu Thân, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn bà Trương Thị Nh trình bày:**

Trước đây bà Nh và ông B tự quen nhau khoảng bốn tháng sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Vĩnh Thanh vào ngày 02/12/2014.

Lý do bà Nh xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm, nguyên nhân là do ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, bà Nh nghi ngờ ông B có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm rạn nứt. Bà Nh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông B không thay đổi. Do đời sống chung không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hai bên đã tự ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Nay bà Nh xác định không còn tình cảm với ông B, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

**Về con chung:** Bà Nh xác nhận vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Lương Thiện Huy, sinh ngày 22/11/1998, Lương Mỹ Hoàng, sinh ngày 27/10/2003 và Lương Ngọc Ngân, sinh ngày 06/6/2013, hiện đang sống với và mẹ. Bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung tên Lương Mỹ Hoàng và Lương Ngọc Ngân, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con lớn tên Lương Thiện Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Bà Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Bà Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nh giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

\* Tòa án có triệu tập ông Lương Thái B để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông B vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lương Thái B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông B.

Xét thấy ông B chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nh tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng ông B vắng mặt không đến Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông B

không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Bà Nh xác nhận trước đây bà và ông B tự quen nhau khoảng bốn tháng sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1998, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Vĩnh Thanh vào ngày 02/12/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nh, xét thấy: Vợ chồng bà Nh, ông B không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc, xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm, nguyên nhân là do ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, bà Nh nghi ngờ ông B có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm rạn nứt. Bà Nh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông B không thay đổi, hai bên đã tự ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà Nh thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nh, ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Nh đối với ông B.

[3] Về con chung: Bà Nh xác nhận vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Lương Thiện Huy, sinh ngày 22/11/1998, Lương Mỹ Hoàng, sinh ngày 27/10/2003 và Lương Ngọc Ngân, sinh ngày 06/6/2013, hiện đang sống với và mẹ. Bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung tên Lương Mỹ Hoàng và Lương Ngọc Ngân, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con lớn tên Lương Thiện Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng. Cháu Ngân hiện từ nhỏ đã sống cùng mẹ nên việc giao cháu Ngân cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo ổn định về mặt tinh thần của bé, hơn nữa hiện nay cháu Ngân cũng còn nhỏ nên việc sống cùng mẹ sẽ đảm bảo được chăm sóc tốt. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Lương Mỹ Hoàng, sinh ngày 27/10/2003 và Lương Ngọc Ngân, sinh ngày 06/6/2013 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng người con lớn tên Lương Thiện Huy đã trưởng thành nên bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông B có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Nh xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 85; Điều 89; Điều 91, 92 và 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Nh được ly hôn với ông Lương Thái B.

2. Về con chung: giao con chung Lương Mỹ Hoàng, sinh ngày 27/10/2003 và Lương Ngọc Ngân, sinh ngày 06/6/2013 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng người con lớn tên Lương Thiện Huy đã trưởng thành nên bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông B thực hiện các quyền trên.

3. Về tài sản, nợ chung: Bà Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Khấu trừ vào số tiền bà Nh đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009360, ngày 07/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà Nh không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày ông B nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VŨ THỊ PHƯƠNG THANH**